

Bản án số: 39/2021/DS-ST
Ngày: 21/12/2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Ngân**

Ông **Nguyễn Xuân Vinh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 504/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019 về việc “**Tranh chấp hợp đồng tín dụng**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2021/QĐST-DS ngày 09/11/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 50/2021/QĐST-DS ngày 02/12/2021 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP L**

Địa chỉ: 40-42-44 đường T, phường V, Tp. G, tỉnh G

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Tuấn A** – Tổng giám đốc

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Ông **Hoàng Văn T** – Là đại diện theo ủy quyền. (theo giấy ủy quyền ngày 01/10/2020)

Có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Ông **Hoàng Đức K** và bà **Nguyễn Thị Kim L**

Địa chỉ: Thôn X, xã T, thành phố T.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông **Hoàng Đức K** và bà **Nguyễn Thị Kim L** có vay của Ngân hàng TMCP L – chi nhánh H số tiền 120.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TD0202/HĐTD

ngày 04/5/2012. Thời hạn vay là 12 tháng. Giải ngân ngày 04/5/2012. Lãi suất trong hạn là 1,8%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 06 tháng một lần. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh. Để đảm bảo cho khoản vay này ông K và bà L đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC0120/HĐTC ngày 04/5/2012 thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 103,6m², số thửa 399, tờ bản đồ số 03 thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L tọa lạc tại xã T, thành phố T, tỉnh H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 216721, số vào sổ cấp GCN: 00554 QSDĐ/VT-NT do UBND thành phố T cấp ngày 08/12/1998.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký. Tính đến ngày 21/12/2021, ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L còn nợ Ngân hàng TMCP L số tiền 406.812.000 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 306.812.000 đồng). Ngân hàng TMCP L yêu cầu ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán số nợ trên cho ngân hàng. Trong trường hợp ông K và bà L không thanh toán khoản nợ trên thì Ngân hàng TMCP L được quyền phát mãi tài sản ông K và bà L đã thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T có ý kiến: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền cả gốc và lãi 406.812.000 đồng tính đến ngày 21/12/2021 cùng khoản lãi phát sinh kể từ ngày 22/12/2021 cho đến khi ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L trả hết nợ. Sau khi ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L trả hết nợ thì Ngân hàng TMCP L có nghĩa vụ trả lại cho ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 216721, số vào sổ cấp GCN: 00554 QSDĐ/VT-NT do UBND thành phố T cấp ngày 08/12/1998. Nếu ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L không thanh toán được nợ thì Ngân hàng TMCP L có quyền phát mãi tài sản thế chấp của ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

Việc Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L trả số tiền đã vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là tranh chấp về dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L nhưng ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L không tham gia các buổi hoà giải và nhiều lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về nội dung:

Ngày 04/5/2012 ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L có ký hợp đồng tín dụng số TD0202/HĐTD vay Ngân hàng TMCP L – chi nhánh H số tiền 120.000.000 đồng. Mục đích để bổ sung vốn kinh doanh.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L không thực hiện đúng cam kết trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng TMCP L đã nhiều lần làm việc yêu cầu ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán số nợ còn lại cho ngân hàng nhưng ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng TMCP L yêu cầu ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ 406.812.000 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 306.812.000 đồng) tính đến ngày 21/12/2021 và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/12/2021 cho đến khi ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP L.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa Ngân hàng TMCP L – Chi nhánh H với ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L có ký hợp đồng tín dụng số TD0202/HĐTD vào ngày 04/5/2012. Ông K và bà L đã nhận số tiền 120.000.000 đồng theo biên bản giải ngân và khế ước nhận nợ ngày 04/5/2012. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán số tiền nợ 406.812.000 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 306.812.000 đồng) tính đến ngày 21/12/2021 và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo thoả thuận của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/12/2021 là có căn cứ, phù hợp với thoả thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Để đảm bảo cho khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng TMCP L với ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC0120/HĐTC ngày 04/5/2012 thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 103,6m², số thửa 399, tờ bản đồ số 03 thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L tọa lạc tại xã T, thành phố T, tỉnh H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 216721, số vào sổ cấp GCN: 00554 QSDĐ/VT-NT do UBND thành phố T cấp ngày 08/12/1998.

Vì vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L không thanh toán được khoản nợ đã cam kết theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết.

Về án phí: Bị đơn ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.272.480 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 9, 10, 11, 12, 41, 47 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ khoản 13 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền nợ cả gốc và lãi là 406.812.000 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000 đồng, tiền lãi là 306.812.000 đồng) tính đến ngày 21/12/2021 và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 22/12/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L với Ngân hàng TMCP L.

1.2 Ngân hàng TMCP L phải trả cho ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 216721, số vào sổ cấp GCN: 00554 QSDĐ/VT-NT do UBND thành phố T cấp ngày 08/12/1998 khi ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L thanh toán xong số tiền gốc và lãi quy định tại mục 1.1 nêu trên.

1.3 Trong trường hợp ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L không thanh toán số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP L có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, bán các tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất có diện tích 103,6m², số thửa 399, tờ bản đồ số 03 thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L tọa lạc tại xã T, thành phố T, tỉnh H, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 216721, số vào sổ cấp GCN: 00554 QSDĐ/VT-NT do UBND thành phố T cấp ngày 08/12/1998 để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Hoàng Đức K và bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.272.480 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.382.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0015728 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Quy định chung: Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. T;
- Đường sự;
- THADS Tp T;
- TAND tỉnh H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung